

Lời nói đầu

TCVN 7750 : 2007 được xây dựng trên cơ sở EN 316 *Woodfibreboards – Definition, classification and symbols*.

TCVN 7751 : 2007 được xây dựng trên cơ sở EN 309 *Wood particleboards – Definition and classification*.

TCVN 7752 : 2007 được xây dựng trên cơ sở ISO 2047 *Plywood – Vocabulary*.

TCVN 7753 : 2007 được xây dựng trên cơ sở EN 622-5 *Fibreboards – Specifications – Part 5: Requirements for dry process boards (MDF)*.

TCVN 7754 : 2007 được xây dựng trên cơ sở EN 312 *Particleboards – Specification*.

TCVN 7755 : 2007 được xây dựng trên cơ sở ISO 12465 *Plywood – Specifications*; ISO 2426 *Plywood – Classification by surface appearance*; ISO 1954 *Plywood – Tolerances on dimension*; ISO 12466 *Plywood – Bonding quality*.

TCVN 7750 : 2007 ÷ TCVN 7755 : 2007 do Tiểu ban kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/TC 89/SC1 *Ván gỗ nhân tạo* hoàn thiện trên cơ sở dự thảo đề nghị của Viện Vật liệu xây dựng – Bộ Xây dựng, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Ván sợi – Thuật ngữ, định nghĩa và phân loại

Fibreboards – Terminology, definition and classification

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định thuật ngữ, định nghĩa và phân loại ván sợi sản xuất từ nguyên liệu có nguồn gốc từ gỗ hoặc thực vật có xenlulô.

2 Thuật ngữ và định nghĩa

Các thuật ngữ sử dụng trong tiêu chuẩn này được định nghĩa như sau:

2.1

Ván sợi (fibreboards)

Vật liệu dạng tấm từ các sợi ligno xenlulô, có hoặc không có keo, phụ gia và được ép dưới điều kiện áp suất và/hoặc nhiệt độ xác định.

2.2

Ván sợi ướt (wet process fibreboards)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp ướt, từ sợi có độ ẩm lớn hơn 20 %.

2.3

Ván sợi cứng - HB (hard boards/high density boards)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp ướt có khối lượng thể tích cao.

2.4

Ván sợi cứng trung bình - MB (medium boards)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp ướt, có khối lượng thể tích trung bình (còn được gọi là ván sợi bán cứng).

2.5

Ván sợi cứng trung bình cao - MBH (high density medium boards)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp ướt, có khối lượng thể tích trung bình cao (còn được gọi là ván sợi bán cứng cao).

2.6

Ván sợi cứng trung bình thấp - MBL (low density medium boards)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp ướt, có khối lượng thể tích trung bình thấp (còn được gọi là ván sợi bán cứng thấp).

2.7

Ván sợi mềm - SB (soft boards)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp ướt có khối lượng thể tích thấp.

2.8

Ván sợi khô - Ván MDF (dry process fibreboards - MDF)

Ván sợi được sản xuất theo phương pháp khô từ sợi có độ ẩm nhỏ hơn 20 %, có sử dụng keo kết dính.

2.9

Ván MDF nặng (high density MDF)

Ván MDF có khối lượng thể tích cao (HDF).

2.10

Ván MDF nhẹ (light MDF)

Ván MDF có khối lượng thể tích trung bình hoặc lớn hơn trung bình.

2.11

Ván MDF siêu nhẹ (ultra light MDF)

Ván MDF có khối lượng thể tích trung bình thấp.

2.12

Ván sợi chậm cháy (fire retardant fibreboards)

Ván sợi có khả năng chậm cháy.

2.13

Ván sợi chống ẩm (moisture resistance fibreboards)

Ván sợi có khả năng chịu ẩm.

2.14

Ván sợi chống sâu nấm (biological attack resistance fibreboards)

Ván sợi có khả năng chịu sâu nấm.

2.15

Ván sợi không đánh nhẵn (unsanded fibreboards)

Ván sợi có bề mặt không được đánh nhẵn.

2.16

Ván sợi đánh nhẵn (sanded fibreboards)

Ván sợi có bề mặt được đánh nhẵn.

2.17

Ván sợi phủ bề mặt (decorative coated fibreboards)

Ván sợi có phủ một lớp mỏng trang trí lên bề mặt.

2.18

Ván sợi định hình (moulded fibreboards)

Ván sợi có bề mặt lõm hoặc lồi.

2.19

Ván sợi phẳng (flat fibreboards)

Ván sợi có bề mặt phẳng.

2.20

Mặt ván sợi (face of fibreboards)

Mặt phẳng lớn nhất của tấm ván sợi.

2.21

Mặt phải (right side fibreboards)

Mặt ván sợi có độ nhẵn bề mặt cao.

2.22

Mặt trái (left side fibreboards)

Mặt ván sợi có độ nhẵn thấp hơn hoặc dấu vết của quá trình công nghệ.

2.23 Điều kiện sử dụng

2.23.1

Điều kiện khô (dry condition)

Điều kiện được đặc trưng bởi độ ẩm trong vật liệu tương ứng với nhiệt độ ở 20 °C và độ ẩm tương đối của không khí vượt quá 65 % chỉ vài tuần trong một năm.

2.23.2

Điều kiện ẩm (moisture condition)

Điều kiện được đặc trưng bởi độ ẩm trong vật liệu tương ứng với nhiệt độ ở 20 °C và độ ẩm tương đối của không khí vượt quá 85 % chỉ vài tuần trong một năm.

3 Phân loại

3.1 Theo công nghệ sản xuất

Ván sợi được phân loại theo Bảng 1.

Bảng 1 – Phân loại ván sợi

Đơn vị tính bằng kg/m³

Công nghệ sản xuất	Ván sợi		
Ván sợi ướt	Ván sợi cứng-HB $\gamma \geq 900$	Ván sợi cứng trung bình-MB $400 \leq \gamma < 900$	
		Ván sợi cứng trung bình cao-MBH $560 \leq \gamma < 900$	Ván sợi cứng trung bình thấp-MBL $400 < \gamma < 560$
Ván sợi khô-MDF	Ván MDF nặng $\gamma \geq 800$	Ván MDF nhẹ $550 < \gamma < 800$	Ván MDF siêu nhẹ $\gamma \leq 550$

3.2 Theo mục đích sử dụng

3.2.1 Ván sợi thông dụng

- a) Ván sợi sử dụng trong nhà;
- b) Ván sợi sử dụng ngoài trời.

3.2.2 Ván sợi chuyên dụng

- a) Ván sợi chịu tải lớn trong thời gian dài;
- b) Ván sợi chịu tải lớn trong thời gian ngắn hoặc tức thời;

c) Ván sợi chậm cháy;

d) Ván sợi chống sâu nấm;

e) Ván sợi chống ẩm.

3.3 Theo trạng thái bề mặt

a) Ván sợi nhẵn.

b) Ván sợi không nhẵn.

c) Ván sợi định hình.

d) Ván sợi có trang trí trên bề mặt.

3.4 Theo điều kiện sử dụng

a) Ván sợi sử dụng trong điều kiện khô;

b) Ván sợi sử dụng trong điều kiện ẩm.

4 Ký hiệu qui ước

4.1 Ký hiệu biểu thị các loại ván sợi:

– Ván sợi cứng:	HB
– Ván sợi mềm:	SB
– Ván sợi khô:	MDF

4.2 Ký hiệu biểu thị mục đích và môi trường sử dụng của ván sợi:

– Ván sợi thông dụng:	Không dùng ký hiệu
– Ván sợi chuyên dụng:	L
+ Ván sợi chịu tải:	1
+ Ván sợi chịu tải nặng:	2
+ Ván sợi chịu tải lâu dài:	A
+ Ván sợi chịu tải ngắn hạn hoặc tức thời :	S
– Ván sợi sử dụng trong điều kiện khô:	Không dùng ký hiệu
– Ván sợi sử dụng trong điều kiện ẩm:	H
– Ván sợi sử dụng ngoài trời:	E

4.3 Tổ hợp các ký hiệu

Ký hiệu qui ước đối với ván sợi kết hợp nhiều tính năng được trình bày theo thứ tự:

Loại ván; điều kiện sử dụng; mục đích sử dụng; chịu tải lâu dài hay chịu tải tức thời; chịu tải hoặc chịu tải nặng.

VÍ DỤ:

- a) HB HLA2: Ván sợi cứng, sử dụng trong điều kiện ẩm, loại chuyên dụng, chịu tải lâu dài.
- b) MDF HLS: Ván sợi khô-MDF, sử dụng trong điều kiện ẩm, loại chuyên dụng, chịu tải tức thời.